TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01632

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Luật đất đai (209401) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 02/05/2012 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD202 Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10124189	HOÀNG THỊ THOA	DH10QL			10	10	5,8	8,0	8	0

Số bài: 36 ; Số tờ: 36

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Thành Nguyên

Trần Thị Thanh Huyền

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Lê Minh Triết

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Đặng Thị Tuyết Hà

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01632

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Luật đất đai (209401) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 02/05/2012 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD202 Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10124149	LÊ VĨNH	PHÚ	DH10QL			10	10	4,0	6,0	6	0
20	10124150	TRƯƠNG CÔNG	PHÚ	DH10QL			10	10	4,5	6,5	6	5
21	10124274	LÊ ĐÌNH	PHÚC	DH10QL			10	10	4,5	6,5	6	5
22	10124157	TRẦN THỊ BÍCH	PHƯỢNG	DH10QL			10	10	6,8	9,0	9	0
23	10124158	ĐẶNG HẢI	QUANG	DH10QL			10	10	4,5	6,5	6	5
24	10124159	NGUYỄN THỊ LỆ	QUYÊN	DH10QL			10	10	5,0	7,0	7	0
~~25~~	~~09135049~~	~~MAI ĐỖ MINH~~	~~TÂM~~	~~DH09TB~~								
26	08124067	TRẦN MINH	TÂM	DH08QL			0	10	3,5	4,5	4	5
27	10124180	LÊ HỒNG	THÁI	DH10QL			10	10	4,0	6,0	6	0
28	10124181	NGUYỄN QUỐC	THÁI	DH10QL			10	10	3,5	5,5	5	5
29	10151103	BÙI CHÂU	THANH	DH10DC			10	10	5,0	7,0	7	0
30	10124172	HUỲNH HOÀNG	THAO	DH10QL			0	10	6,0	7,0	7	0
31	10124176	LÊ THỊ	THẢO	DH10QL			10	10	4,5	6,5	6	5
32	10333139	NGUYỄN THỊ NGỌC	THẢO	CD10CQ			10	10	5,0	7,0	7	0
33	10124178	TRẦN THẠCH	THẢO	DH10QL			10	10	6,5	8,5	8	5
34	10124183	ĐINH THỊ	THE	DH10QL			10	10	4,5	6,5	6	5
35	10124184	TRẦN LƯU VĨNH	THI	DH10QL			10	0	5,0	6,0	6	0
36	10135098	HOÀNG CHÍ	THIỆN	DH10TB			10	0	4,0	5,0	5	0

Số bài:.....36.....; Số tờ:.....36.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Thành Nguyên

Trần Thị Thanh Huyền

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Lê Vĩnh Thuật

Cán bộ chấm thi 1&2

Dương Thị Tuyết Hà

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01632

18/6/12

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Luật đất đai (209401) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 02/05/2012 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD202 Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10124090	NGUYỄN THỊ HỒNG	LIÊN	DH10QL			10	0	4,0	5,0	5	0
2	10124091	ĐẶNG THỊ	LINH	DH10QL			10	10	4,0	6,0	6	0
3	10124102	LỮ THẾ	LONG	DH10QL			10	10	4,0	6,0	6	0
4	10124108	HỒ THỊ LY	LY	DH10QL			10	10	3,0	5,0	5	0
5	09135035	NGUYỄN THỊ THIÊN	LÝ	DH09TB			10	0	5,0	6,0	6	0
6	10135059	TRẦN THỊ NGỌC	MAI	DH10TB			0	10	4,0	5,0	5	0
7	10124110	LÊ ĐỨC	MẠNH	DH10QL			10	10	7,0	9,0	9	0
8	10124115	TRẦN THỊ	MINH	DH10QL			10	10	5,0	7,0	7	0
9	10124116	NGUYỄN THỊ DIỄM	MƠ	DH10QL			10	10	3,5	5,5	5	5
10	10151068	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	MY	DH10DC			0	10	3,0	4,0	4	0
11	10135065	PHẠM NGUYỄN HOÀI	NAM	DH10TB			10	10	5,0	7,0	7	0
12	10124127	NGUYỄN THẢO	NGÂN	DH10QL			10	10	7,0	9,0	9	0
13	10135001	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	DH10TB			10	10	3,5	5,5	5	5
14	10124130	VÕ TẤN	NGUYÊN	DH10QL			10	10	4,0	6,0	6	0
15	11333122	ĐỖ THỊ MỸ	NHÂN	CD11CQ			10	10	4,5	6,5	6	5
16	10124142	CHÂU HUỲNH	NHUNG	DH10QL			10	10	5,0	7,0	7	0
17	10124143	LÂM QUỲNH	NHƯ	DH10QL			0	10	3,0	4,0	4	0
18	10333151	HUỲNH THỊ	PHÚ	CD10CQ			10	10	4,5	6,5	6	5

Số bài: 36 ; Số tờ: 36

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Thành Nguyên

Trần Thị Thanh Huyền

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Diệp Thị Tuyết Hà

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01633

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Luật đất đai (209401) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 02/05/2012 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD203 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10124227	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	DH10QL			10	10	4,0	6,0	6	0
20	10333100	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	CD10CQ			10	10	3,0	5,0	5	0
21	10124229	LÊ THỊ ANH	TRÚT	DH10QL			10	10	4,8	7,0	7	0
22	10135132	NGUYỄN NGỌC	TÚ	DH10TB			10	10	4,8	7,0	7	0
23	10333004	NGUYỄN THỊ CẨM	TÚ	CD10CQ			10	10	4,8	7,0	7	0
24	09333169	NGUYỄN NGỌC ANH	TUẤN	CD09CQ			0	0	3,8	4,0	4	0
25	10135128	LÊ THỊ THANH	TUYỀN	DH10TB			10	10	4,0	6,0	6	0
26	10124236	NGUYỄN NGỌC	TUYỀN	DH10QL			10	10	4,5	6,5	6	5
27	10124241	TRẦN THỊ	TUYẾT	DH10QL			10	10	5,0	7,0	7	0
28	10135135	HOÀNG THỊ THẢO	UYÊN	DH10TB			10	10	4,8	7,0	7	0
29	10124245	NGUYỄN THỊ THÚY	VÂN	DH10QL			10	10	4,8	7,0	7	0
30	10135140	LÊ THỊ TƯỜNG	VI	DH10TB			0	10	3,5	4,5	4	5
31	10124248	PHAN THỊ YẾN	VI	DH10QL	-		10	10	3,5	5,5	5	5
32	10124250	NGUYỄN THÀNH	VINH	DH10QL			10	10	3,0	5,0	5	0
33	10124251	HOÀNG TRỌNG	VŨ	DH10QL			0	10	4,0	5,0	5	0
34	10135144	HUỲNH MINH	VƯƠNG	DH10TB			0	0	4,0	4,0	4	0
35	10124254	HỒ ÁI	VY	DH10QL			10	10	4,4	6,5	6	5
36	09333184	HOÀNG THỊ	XUÂN	CD09CQ			0	10	4,3	5,5	5	5

Số bài: 36 ; Số tờ: 36

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Đường Thị Tuyết Hà

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01633

Trang 1/2

18/6/12

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Luật đất đai (209401) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 02/05/2012 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD203 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10124192	LÊ HOÀI	THU	DH10QL			10	10	4,5	6,5	6	5
2	10135100	NGÔ THỊ	THU	DH10TB			10	10	3,5	5,5	5	5
3	10124193	NGUYỄN HOÀI	THU	DH10QL			10	10	4,5	6,5	6	5
4	10124197	HUỲNH THỊ MỘNG	THÚY	DH10QL			10	10	7,0	9,0	9	0
5	10124195	LÊ THỊ THANH	THÚY	DH10QL			10	10	5,0	7,0	7	0
6	10124200	PHẠM LÊ ANH	THƯ	DH10QL			10	10	4,5	6,5	6	5
7	10124202	TRỊNH THỊ	THƯƠNG	DH10QL			10	10	5,0	7,0	7	0
8	10124203	NGUYỄN THỊ THỦY	TIÊN	DH10QL			0,0	0,0	3,8	4,0	4	0
9	10124205	PHẠM NGỌC	TIẾN	DH10QL			10	0	5,0	6,0	6	0
10	10124207	TRẦN MINH	TIẾN	DH10QL			10	10	4,0	6,0	6	0
11	09333155	HUỲNH TRUNG	TÍN	CD09CQ			0	10	4,8	6,0	6	0
12	10124214	NGUYỄN LÊ ĐÀI	TRANG	DH10QL			0	10	4,5	5,5	5	5
13	10135119	TRẦN NGUYỄN THỊ TH	TRANG	DH10TB			10	10	3,5	5,5	5	5
14	10124218	TRẦN THỊ THANH	TRANG	DH10QL			10	10	4,5	6,5	6	5
15	10333144	NGUYỄN NGỌC	TRÂM	CD10CQ			10	0	3,5	4,5	4	5
16	10135122	NGUYỄN THỊ THANH	TRÂM	DH10TB			10	10	3,0	5,0	5	0
17	10124220	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	TRÂM	DH10QL			10	10	4,0	6,0	6	0
18	10333051	ĐẶNG THỊ HUỲNH LỆ	TRINH	CD10CQ			10	10	5,0	7,0	7	0

Số bài: 36 Số tờ: 36

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2: Ngô Thị Chi Cầm; Lã Chí Hiệp

Duyệt của Trưởng Bộ môn: Lê Công Triết

Cán bộ chấm thi 1&2: Đặng Thị Tuyết Vân

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01622

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Luật đất đai (209401) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 02/05/2012 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD201 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10124088	NGÔ THỊ BÍCH LIÊN	DH10QL			10	10	4,5	6,5	6	5

Số bài: 37 ; Số tờ: 37

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Cán Kim Dũng

Ng Ngọc Mỹ Tiên

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Lê Trọng Việt

Cán bộ chấm thi 1&2

Dương Thị Tuyết Hà

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01622

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Luật đất đai (209401) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 02/05/2012 **Giờ thi:** 09g30 - **phút** **Phòng thi** HD201 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10151055	VƯƠNG THỊ	HIẾU	DH10DC			10	10	5,0	7,0	7	0
20	10124059	ĐOÀN MINH	HOÀNG	DH10QL			10	10	4,8	7,0	7	0
21	10124060	HUỲNH CHÍ	HOÀNG	DH10QL			10	10	3,5	5,5	5	5
22	10124063	NGUYỄN THỊ KIM	HUỆ	DH10QL			10	0	6,0	7,0	7	0
23	10124069	LÊ TRƯƠNG QUỐC	HÙNG	DH10QL			10	10	4,0	6,0	6	0
24	10151039	ĐỖ THỊ THANH	HUYỀN	DH10DC			10	10	4,5	6,5	6	5
25	10124066	PHẠM THỊ THU	HUYỀN	DH10QL			10	10	2,8	6,0	6	0
26	10124067	TRẦN ĐẶNG NGỌC	HUYỀN	DH10QL			10	10	4,5	6,5	6	5
27	10124068	TRẦN NGUYỄN BÍCH	HUYỀN	DH10QL			10	10	4,5	6,5	6	5
28	10124073	DƯƠNG MINH QUÊ	HƯƠNG	DH10QL			10	10	4,8	7,0	7	0
29	10135047	HOÀNG	KHẢI	CD11CQ			0	0	3,0	3,0	3	0
30	10135048	ĐỖ THỊ HOÀNG	KIM	DH10TB			10	10	5,0	7,0	7	0
31	10151059	LÊ HOÀNG	KIM	DH10DC			10	10	4,0	6,0	6	0
32	10124084	NGUYỄN LÊ THANH	LAM	DH10QL			10	10	5,5	7,5	7	5
33	09135027	NGÔ THỊ HỒNG	LẬP	DH09TB			0	10	4,0	5,0	5	0
34	10124085	NGUYỄN THỊ MỸ	LỆ	DH10QL			10	10	5,0	7,0	7	0
35	10124276	HOÀNG THANH	LIÊM	DH10QL			10	10	3,0	5,0	5	0
36	10124086	NGUYỄN THANH	LIÊM	DH10QL			10	10	5,5	7,5	7	5

Số bài: 36 ; Số tờ: 52

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Cán Kim Dũng

Ng. Ngọc Mỹ Tiên

Duyệt của Trường Bộ môn

Lê Thị Tuyết

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01622

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Luật đất đai (209401) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 02/05/2012 **Giờ thi:** 09g30 - phút **Phòng thi** HD201 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (40 %)	Đ2 (40 %)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10124010	VŨ TUẤN	ANH	DH10QL			10	10	5,8	8,0	8	0
2	09113209	VƯƠNG VĂN	BẰNG	DH09QL			10	0	3,5	4,5	4	5
3	09135004	NGUYỄN HỮU	BÌNH	DH09TB			0	10	2,5	3,5	3	5
4	10124021	TRẦN VĂN	CƯỜNG	DH10QL			10	0	3,5	4,5	4	5
5	10124025	CÙ THANH	DUNG	DH10QL			10	10	4,0	6,0	6	0
6	10151056	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	DH10DC			10	10	3,5	5,5	5	5
7	10124035	NGUYỄN VĂN	ĐẠI	DH10QL			10	10	5,8	8,0	8	0
8	10124040	ĐINH VĂN	ĐỨC	DH10QL			10	10	6,8	9,0	9	0
9	10135023	NGUYỄN VIỆT THU	HÀ	DH10TB			10	10	3,5	5,5	5	5
10	09135097	TỐNG ĐĂNG	HẢI	DH09TB			10	10	4,3	6,5	6	5
11	10124045	LÊ THỊ MỸ	HẠNH	DH10QL			10	0	5,0	6,0	6	0
12	10124046	TRẦN MỸ	HẠNH	DH10QL			10	10	5,5	7,5	7	5
13	10124049	VÕ THỊ THU	HẰNG	DH10QL			10	10	4,0	7,0	7	0
14	09333187	ĐINH QUANG	HẬU	CD09CQ			10	10	3,0	5,0	5	0
15	10124052	LÊ THỊ THU	HIỀN	DH10QL			10	10	5,0	7,0	7	0
16	10124055	BÙI ĐỨC	HIẾN	DH10QL			10	10	5,0	7,0	7	0
17	10135034	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	HIẾU	DH10TB			10	10	5,0	7,0	7	0
18	10135035	NGUYỄN TRỌNG	HIẾU	DH10TB	1		10	0	3,5	4,5	4	5

Số bài: 37 ; Số tờ: 37

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Cán bộ chấm thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm